

Nam Hưng, ngày 3 tháng 10 năm 2024

DỰ THẢO

**KẾ HOẠCH THU - CHI CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP
NĂM HỌC 2024 – 2025**

(Đính kèm biên bản họp ban đại diện CMHS các nhóm, lớp Trường MN Nam Hưng ngày)
Căn cứ Hướng dẫn số 1569/SGDDĐT-KHTC ngày 08/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương về việc thu học phí và các khoản dịch vụ năm học 2023 – 2024:

- Thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh. Thực hiện chế độ miễn giảm học phí, chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa cho học sinh thuộc đối tượng chính sách theo Hướng dẫn số 1507/SGDDĐT-KHTC ngày 19/11/2021 của Sở GD&ĐT, Sở TC về việc hướng dẫn thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; quản lý, sử dụng học phí và các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

- Thực hiện quy định tại Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở đào tạo công lập khác thực hiện chương trình GDPT trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Hướng dẫn số: 1733/SGDDĐT-HTC ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương về việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 1758/SGDDĐT-VP, ngày 21/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương về việc triển khai hoạt động đầu năm học và tổ chức Lễ khai giảng năm học 2024-2025;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN;

Căn cứ công văn số 54/PGICO-HD của công ty bảo hiểm PGICO Hải Dương về việc hướng dẫn triển khai bảo hiểm cán bộ giáo viên và học sinh, sinh viên năm học 2024- 2025. Căn cứ hợp đồng bảo hiểm của PGICO các điều khoản thu nộp, bồi thường của bảo hiểm PGICO.

Căn cứ các biên bản kiểm kê đồ dùng học tập; đồ dùng bán trú năm học 2024 – 2025 do ban đại diện CMHS và nhà trường đã kiểm kê cuối năm học 2023 - 2024; Căn cứ vào việc khảo sát giá các đồ dùng học tập, đồ dùng bán trú trên thị trường;

Thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2024 - 2025;
Trường mầm non Nam Hưng cùng nhau thống nhất xây dựng dự thảo kế hoạch thu – chi các khoản do học sinh đóng góp năm học 2024 – 2025, cụ thể như sau:

*** Số trẻ dự kiến ra lớp: 295 cháu**

Trong đó: - Số trẻ dự kiến ăn bán trú: 295 cháu

I. PHÂN THU THEO QUY ĐỊNH:

1. Học phí .

1.1. Kế hoạch thu

- Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý, sử dụng học phí tại các trường mầm non và trung học phổ thông công lập thuộc tỉnh quản lý năm học 2021-2022; và Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở đào tạo công lập khác thực hiện chương trình GDPT trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến khi có hướng dẫn mới. Đến khi có văn bản hướng dẫn mới.

- Thực hiện miễn học phí cho học sinh 5 tuổi theo Nghị quyết 08/2022 của HĐND tỉnh.

1.2. Kế hoạch chi: - Chi 40% cải cách chế độ tiền lương:

- Chi tổ chức công tác thu (3%):

- Chi tu sửa, tăng cường CSVC và các hoạt động chuyên môn (57%)

II. PHẦN THU THEO TỰ NGUYỆN:

1. Bảo hiểm thân thể:

1.1. Kế hoạch thu

- CBGVNV: 38 người x 300.000đ/người/năm học = 11.400.000đ

- Học sinh dự kiến: 290 cháu x 200.000đ/cháu/năm học = 58.000.000đ

Tổng cộng = **69.400.000đ**

(Bằng chữ: Sáu chín triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn)

1.2. Kế hoạch chi:

Chi nộp về cơ quan bảo hiểm theo quy định số thu được = **69.400.000đ**

(Bằng chữ: Sáu chín triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn)

2. Quỹ hội ban đại diện CMHS: Năm học 2024- 2025 Ban đại diện cha mẹ không thực hiện thu quỹ hội cha mẹ. Các ngày hội ngày lễ của trẻ phụ huynh sẽ cùng chung tay tổ chức cho trẻ theo điều kiện thực tế.

III. PHẦN THU THEO THỎA THUẬN:

1. Tiền sách vở, đồ dùng học tập học sinh:

1.1. Kế hoạch dự kiến chi:

- Chi mua sách vở, đồ dùng học tập cho các cháu ở các nhóm lớp theo các danh mục dự kiến từng độ tuổi đã xây dựng.

Dự kiến các danh mục xây dựng căn cứ theo Văn bản hợp nhất số

1.2. Kế hoạch dự kiến thu:

- Từ dự kiến chi mua đồ dùng sách vở theo từng độ tuổi dự kiến mức thu theo kế hoạch đã xây dựng như sau:

* **Mức thu dự kiến của các độ tuổi**

+ Trẻ nhà trẻ: 200.000đ/cháu/năm học.

+ Trẻ 3 tuổi : 230.000đ/cháu/năm học.

+ Trẻ 4 tuổi : 230.000đ/cháu/năm học.

+ Trẻ 5 tuổi : 250.000đ/cháu/năm học.

* **Ghi chú:** Có biên bản kiểm kê từng nhóm lớp và kế hoạch mua sắm đồ dùng từng nhóm lớp từng độ tuổi chi tiết kèm theo.

2. Tiền ăn:

2.1. Kế hoạch chi:

- **Tiền ăn học sinh:** Phụ huynh đóng tiền ăn của các cháu cho nhà trường theo tháng. Nếu ngày nào cháu nghỉ phụ huynh báo cho cô giáo chủ nhiệm để cắt xuất ăn ngày hôm đó. Hàng ngày, giáo viên của lớp theo dõi và chấm ăn. Cuối tháng giáo viên tổng hợp số xuất ăn trong một tháng của các cháu cho bộ phận kế toán để tổng hợp, đối chiếu. Cuối mỗi tháng bộ phận kế toán nhà trường sẽ tổng hợp xuất ăn của từng cháu sau đó lập đợt thu và gửi thông báo để phụ huynh nộp tiền qua tài khoản của trường mở tại ngân hàng.

* Chi xuất ăn theo đúng chế độ ăn hàng ngày của các cháu cân đối đảm bảo đúng thực đơn mà nhà trường đã xây dựng:

- Trẻ mẫu giáo: 02 bữa/ngày gồm 01 bữa ăn chính + 01 bữa ăn phụ.

- Trẻ nhà trẻ: 03 bữa/ngày gồm 01 bữa ăn chính + 01 bữa xế + 01 bữa ăn phụ.

2.2. Kế hoạch thu

- Dự kiến mức thu: 17.000đ/cháu/ngày (tháng 09 và tháng 10 năm 2024) 20.000đ/cháu/ngày (Từ tháng 11 năm 2024 đến hết tháng 08 năm 2025) theo bữa ăn thực tế chấm hàng ngày.

3. Tiền phụ phí chăm sóc phục vụ bán trú:

3.1. Kế hoạch dự kiến chi: (9 tháng)

- **Chi tiền công trực trưa văn phòng, quản lý làm công tác giám sát trực trưa, giáo viên nhân viên phụ trách, làm công tác bán trú:**

+ Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trực quản lý, giám sát trực trưa mức chi từ 1.400.000 - 1.900.000đ/tháng x 3 người x 9 tháng, số tiền chi khoảng: 45.900.000đ.

+ Nhân viên y tế: Trực phòng y tế, cùng giáo viên các nhóm lớp chăm sóc các cháu có biểu hiện ốm, mệt, sốt tại các nhóm lớp mức chi từ: 1.400.000 - 1.900.000đ/tháng x 9 tháng, số tiền chi khoảng 15.300.000đ.

+ Kế toán trực văn phòng, và phụ trách tổng hợp quyết toán, làm hồ sơ bán trú, mức chi từ 1.400.000-1.900.000đ/người/tháng x 9 tháng, số tiền chi khoảng: 15.300.000đ

- **Chi tiền giáo viên/nhân viên kiêm nhiệm cập nhật, làm sổ sách bán trú:**

+ Tổng hợp xuất ăn, cân đối thực phẩm hàng ngày, cập nhật các loại sổ sách BT, phụ trách làm phần mềm bán trú, kiểm tra đối chiếu lập đợt thu gửi đến phụ huynh để phụ huynh nộp tiền cho con hàng tháng mức chi từ 1.400.000đ - 1.900.000đ/người/tháng x 9 tháng, số tiền chi khoảng: 15.300.000đ

+ Giám sát bán bán trú: Thực hiện nhiệm vụ nhận số lượng và kiểm tra chất lượng thực phẩm hàng ngày khi nhà cung cấp giao đến hàng ngày 300.000-500.000đ/tháng x 9 tháng, số tiền chi khoảng: 4.500.000đ

- **Chi tiền công nhân viên hợp đồng nấu ăn bán trú:** mức chi 3.000.000đ- 4.500.000đ/người/tháng x 3 người x 9 tháng, số tiền chi khoảng: 99.900.000đ

- **Chi tiền công cô hướng dẫn chăm sóc trẻ ăn và trực trưa học sinh ăn BT,** mức chi từ 1.400.000đ- 1.900.000đ/người/tháng (tương đương từ 70.000đ - 100.000đ/người/buổi) x 31 người x 9 tháng; số tiền khoảng 464.400.000đ

* **Tổng chi: 642.600.000đ**

Số tiền bằng chữ: (Sáu trăm bốn hai triệu sáu trăm ngàn đồng)

3.2. Kế hoạch định mức thu:

- Dự kiến mức thu tiền phụ phí chăm sóc bán trú là: 642.600.000/295cháu/ 9 tháng = 240.000đ/cháu/tháng.

Mức thu dự kiến: 240.000/cháu/tháng .

Ghi chú: Mức thu 240.000đ/cháu/tháng đối với cháu đi đủ số buổi trong tháng. Đối với những cháu đi ít hơn sẽ tính cụ thể theo từng buổi thực tế (lấy 240.000/tổng số buổi học trong tháng x số buổi đi học của trẻ).

+ Số tiền dự kiến thu: 295 cháu x 240.000đ x 9 tháng = **642.600.000đ**

4. Tiền Phụ phí bán trú (chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy rửa,...):

4.1. Kế hoạch dự kiến chi: (9 tháng)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	S.lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Ga đun bán trú	Kg	1200	30.000	36.000.000	Chi theo thực tế
2	Điện bán trú	KW	18.000	1.948	35.064.000	Chi theo hoá đơn
3	Nước sạch	m3	1.900	13.800	26.220.000	Chi theo hoá đơn
4	Khăn giấy vuông Vietnam Airlines	Bịch	420	25.000	10.500.000	3-4 bịch/lớp/tháng
5	Nước lau sàn nhà Gift	Lọ	450	39.000	17.550.000	3-4 lọ/lớp/tháng
6	Nước lau sàn nhà Gift (Nhà bếp)	Lọ	20	39.000	780.000	2-3 lọ/tháng
7	Xà phòng giặt Ô mô 800g	Túi	160	42.000	6.720.000	1-2 túi/lớp/tháng
8	Xà phòng Ô mô 3 kg nhà bếp	Túi	5	157.000	785.000	1 túi/tháng
9	Xà phòng rửa tay Lifebuoy	Bánh	380	15.000	5.700.000	3-4 bánh/lớp/tháng
11	Nước rửa bát Sunlight 3,6 kg	Can	27	160.000	4.320.000	1-2 can/tháng
25	Nước tẩy đa năng Sunlight	Chai	30	39.000	1.170.000	2 lần / năm học
26	Nước xả vải Compho	Chai	30	215.000	6.450.000	2 lần / năm học
13	Khăn lau tay (nhà bếp)	Cái	12	20.000	240.000	
14	Khăn lau tay của trẻ khi ăn	Cái	210	6.000	1.260.000	3-4 cái/bàn ăn/năm
15	Tạp rề bếp ăn, các lớp	Bộ	18	50.000	900.000	1 bộ/năm
16	Khẩu trang y tế khi cho HS ăn(lớp)	Hộp	15	35.000	525.000	1-2 tháng/hộp/lớp
17	Khẩu trang y tế (bếp ăn)	Hộp	9	35.000	315.000	2-3 hộp/tháng
18	Gang tay cao su (lớp)	Đôi	30	22.000	660.000	2 đôi/ năm
19	Gang tay cao su (bếp)	Đôi	25	22.000	550.000	9 đôi/năm/người
20	Gang tay ninon chia ăn (lớp)	Kg	8	85.000	680.000	0,5-1kg/lớp/năm
21	Gang tay ninon chia ăn (bếp)	Kg	3	85.000	255.000	
22	Thuê thu gom, VC rác thải bán trú	Tháng	9	300.000	2.700.000	
Tổng cộng					159.344.000	

Số tiền bằng chữ: (Một trăm năm chín triệu ba trăm bốn bốn ngàn đồng)

4.2. Kế hoạch dự kiến thu:

- Tổng số chi: 159.344.000đ/ 295 cháu/9 tháng = 60.000/cháu/tháng.

Mức thu dự kiến: 60.000/cháu/tháng.

***Ghi chú:** Mức thu 60.000đ/cháu/ tháng đối với những cháu đi ít hơn sẽ tính cụ thể theo từng buổi thực tế (lấy 60.000/tổng số buổi học trong tháng x số buổi đi học của trẻ).

5. Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh (tiền lao công, dụng cụ vs, giấy vs, nước tẩy rửa, lau sàn...)

5.1. Kế hoạch dự kiến chi: (9 tháng)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Nước tẩy bồn cầu Okay thái	Chai	321	39.000	12.519.000	2-3 lọ/phòng/tháng
2	Giấy vệ sinh HN (dùng trong nhà vệ sinh)	Bịch	330	48.000	15.840.000	3-4 bịch/lớp/tháng
3	Lọ thả bồn cầu Thái	Chai	60	55.000	3.300.000	3-4 hộp/lớp/năm
4	Sáp khử mùi	Hộp	60	75.000	4.500.000	3-4 hộp/lớp/năm
5	Mua rế quét sân	Chiếc	30	30.000	900.000	3-4 cái/tháng
6	Cọ nhà vệ sinh	Cái	15	35.000	525.000	1-2 cái/lớp/năm
7	Khau hút rác	chiếc	15	40.000	600.000	1 chiếc/lớp/năm
8	Cây lau nhà	Cái	30	100.000	3.000.000	1-2bộ/lớp/năm
9	Chổi chít (lớp)	Cái	30	50.000	1.500.000	2-3 cái/lớp/năm
10	Chổi chít (bếp)	Cái	2	50.000	100.000	4-6 cái/năm
11	Chổi cước (Lớp)	Cái	15	45.000	675.000	2-3 cái/lớp/năm
12	Chổi cước (bếp)	Cái	2	45.000	90.000	4-6 cái/năm
13	Túi nilong đựng rác	Kg	8	45.000	360.000	0,5kg/lớp/năm
14	Gáo múc nước trong nhà vệ sinh	Chiếc	15	15.000	225.000	
15	Thuê lao công quét dọn xung quanh sân trường, hành lang lớp học, khơi thông cống rãnh.	Tháng	9	1.000.000	9.000.000	
Tổng cộng					53.134.000	

Bằng chữ: Nã ba triệu một trăm ba tư nghìn đồng.

- Tổng số chi 9 tháng 53.134.000/295cháu/ 9 tháng = 20.000đ/cháu/tháng.

***Mức thu dự kiến: 20.000/cháu/tháng.**

6. Tiền điện điều hòa (Thu theo thực tế đồng hồ riêng phát sinh)

7. Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn, và đồ dùng cá nhân cho trẻ ăn bán trú lần đầu (từ thời điểm ăn bán trú đến hết khóa học):

7.1 Kế hoạch dự kiến chi:

STT	Tên đồ dùng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Chiếu cói	Chiếc	20	170.000	3.400.000	
2	Nồi inoc chia thức ăn	Chiếc	15	200.000	3.000.000	
3	Thìa con	Chiếc	60	7.000	420.000	
4	Thìa chia thức ăn to	Chiếc	2	100.000		

					100.000
5	Chậu rửa bát to	Chiếc	2	125.000	250.000
6	Xềng đảo thức ăn	Chiếc	2	100.000	200.000
7	Ghế con	Chiếc	3	25.000	75.000
8	Dao thái to	Chiếc	3	120.000	360.000
9	Dao thái nhỏ	Chiếc	3	60.000	180.000
10	Dao con	Chiếc	3	15.000	45.000
11	Rổ úp bát inoc	Chiếc	2	150.000	300.000
12	Rổ nhựa to	Chiếc	3	60.000	180.000
13	Rổ nhựa nhỏ	Chiếc	3	40.000	120.000
14	Thớt	Chiếc	1	350.000	350.000
15	Gọt hoa quả	Chiếc	9	20.000	180.000
16	Lọ Lưu mẫu	Chiếc	6	50.000	300.000
17					
18	Bát con inoc	Chiếc	60	20.000	1.200.000
19	Chảo chống dính to	Chiếc	1	350.000	350.000
	Cộng				11.010.000

Số tiền bằng chữ: (Mười một triệu không trăm mười ngàn đồng)

7.2 Kế hoạch dự kiến mức thu

- Tổng số dự kiến chi: 11.000.000đ/55 cháu = 200.000/cháu/1 năm

* Mức thu dự kiến: 200.000/cháu/1 năm .

8. Tiền nước uống học sinh: Tháng 09 và tháng 10 học sinh uống nước tinh khiết đóng bình dự kiến đến tháng 11 nhà trường sẽ mua máy lọc nước cho các nhóm lớp.

8.1. Kế hoạch dự kiến chi:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng/tháng	Số lượng cả năm học	Đơn giá dự kiến (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Mua nước tinh khiết cho trẻ uống tháng 09 và tháng 10 năm 2024	Bình	100	200	15.000	3.000.000	
	Tổng cộng					3.000.000	

(Bằng chữ: iệu lăm trăm hai ba nghìn đồng)

8.2. Kế hoạch thu:

- Tổng số dự kiến chi: 3.000.000đ/295 cháu/ 2 tháng = 5.000/cháu/1 tháng

* Mức thu dự kiến: 5.000/cháu/tháng .

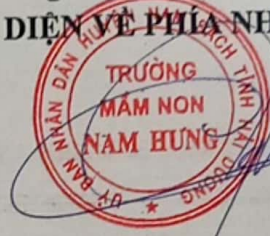
Trên đây là bản dự thảo kế hoạch thu - chi các khoản đóng góp năm học 2024 - 2025 do phía ban đại diện CMHS và đại diện Trường mầm non Nam Hưng đã cùng nhau thống nhất xây dựng.

Dự thảo kế hoạch thu - chi các khoản đóng góp của học sinh năm học 2024 - 2025 sẽ được triển khai thông qua cuộc họp phụ huynh học sinh các nhóm, lớp để họp bàn, lấy ý kiến đóng góp. Sau cuộc họp phụ huynh toàn trường nếu được 100% các bậc phụ huynh các nhóm lớp nhất trí với nội dung bản dự thảo và không có ý kiến đóng góp thêm. Đại diện phụ huynh các nhóm lớp và nhà trường nhất trí giao cho Hiệu trưởng Trường mầm non Nam Hưng ra Quyết định ban hành kế hoạch thu - chi các khoản đóng góp năm học 2024 - 2025 chính thức có ký đại diện của ban đại diện CMHS để làm căn cứ thực hiện.

Nam Hưng, ngày 3 tháng 10 năm 2024
ĐẠI DIỆN VỀ PHÍA NHÀ TRƯỜNG

ĐẠI DIỆN VỀ PHÍA CMHS

1. Vũ Thị Huệ..... Huệ
2. Nguyễn Thị Hải..... Hải
3. Mai Thị Ngọc..... Ngọc
4. Nguyễn Thị Hằng..... Hằng
5. Vũ Thị Duyên..... Duyên
6. Phạm Thị Hài..... Hài
7. Nguyễn Văn Thảo..... Thảo
8. Phạm Mai Linh..... Linh
9. Nguyễn Chi Linh..... Linh
10. Nguyễn Thị Thảo..... Thảo
11. Dương Đình Nhi..... Nhi
12. Trần Thị Huệ..... Huệ
13. Nguyễn Thị Vân..... Vân
14. Nguyễn Thị Thanh Thủy..... Thủy
15. Đỗ Duy Mạnh..... Mạnh



**HIỆU TRƯỞNG
 NGUYỄN THỊ THỦY**

- Nguyễn Thị Lan
- Hoàng Thị Ngọc
- Nguyễn Thị Ngân
- Nguyễn Thị Dung
- Phạm Thị Liên
- Nguyễn Thị Huyền

